

TRUY CỨU TRÁCH NHIỆM PHÁP LÝ ĐỐI VỚI VI PHẠM PHÁP LUẬT VỀ QUYỀN ĐƯỢC BẢO VỆ DỮ LIỆU CÁ NHÂN

ThS. PHẠM THỊ PHƯƠNG THẢO*

Tóm tắt: Dữ liệu cá nhân là yếu tố liên quan chặt chẽ tới phạm trù quyền con người, quyền công dân trong các lĩnh vực an ninh mạng, an ninh dữ liệu... Trong phạm vi bài viết, tác giả đề cập và phân tích đến một số khái niệm pháp lý được quy định trong Nghị định số 13/2023/NĐ-CP ngày 17/4/2023 của Chính phủ quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân, hướng đến hai mục tiêu chính là nhận diện thống nhất nội hàm thuật ngữ và nhận diện các dạng trách nhiệm pháp lý đối với các vi phạm phổ biến hiện nay về quyền được bảo vệ dữ liệu cá nhân.

Từ khóa: dữ liệu cá nhân; vi phạm pháp luật; trách nhiệm pháp lý.

Ngày nhận bài: 30/10/2024; Ngày hoàn thành biên tập: 22/11/2024; Ngày duyệt đăng bài: 22/11/2024

Abstract: Personal data is an element closely related to the categories of human rights and civil rights in the fields of network security, data security and so on. Within the scope of the article, the author mentions and analyses some legal concepts stipulated in Decree No. 13/2023/ND-CP dated 17 April 2023 of the Government stipulating protection of personal data, aiming at two main goals, namely (1) uniformly identifying terminology, and (2) identifying of forms of legal liability for current common violations of the right to personal data protection.

Keywords: personal data; violation of the right; legal liability.

Received: 30 October 2024; Editing completed: 22 November 2024; Accepted for publication: 22 November 2024

Đặt vấn đề

Nhu cầu quản trị và bảo vệ dữ liệu cá nhân là nội dung đã và đang được quan tâm và nghiên cứu dưới nhiều góc độ khác nhau tại các quốc gia trên phạm vi toàn cầu. Bởi vì trên thực tế, dưới tác động của hoạt động chuyển đổi số trên mọi lĩnh vực, các vi phạm đến quyền được bảo vệ dữ liệu cá nhân ngày càng đa dạng, phức tạp và mạnh mẽ hơn bao giờ hết. Tuy nhiên, thực tiễn hoạt động truy cứu trách nhiệm pháp lý đối với các vi phạm pháp luật về quyền được bảo vệ dữ liệu cá nhân vẫn còn một số bất cập, cần tiếp tục được nghiên cứu để quyền đối với dữ liệu cá nhân được bảo vệ hiệu quả hơn trong bối cảnh xã hội số hiện nay.

1. Một số vấn đề chung về quyền đối với dữ liệu cá nhân

1.1. Thuật ngữ pháp lý “dữ liệu cá nhân”

Dữ liệu cá nhân là khái niệm pháp lý mang tính đa ngành và có thể được quy định trong nhiều lĩnh vực khác nhau, vì trong bất kỳ không gian quản lý hành chính nào, cũng xuất hiện đối tượng quản lý là các thông tin và dữ liệu của cá nhân.

Theo Liên minh châu Âu, dữ liệu cá nhân¹ (*personal data* hoặc *données à caractère personnel*) được hiểu là tất cả các thông tin liên quan đến một thể nhân được nhận diện hoặc có thể được nhận diện, dù trực tiếp hay gián tiếp. Cụ thể, những thông tin liên quan đến tên, số định danh, dữ liệu về nơi cư trú, số điện thoại, hoặc bất kỳ một

* Khoa Luật Hành chính - Nhà nước, Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh.

¹ Thuật ngữ dữ liệu cá nhân được định nghĩa tại Điều 4 (1) Quy định chung về bảo vệ dữ liệu (GDPR) của Liên minh châu Âu (EU); Nguyên văn: “Personal data are any information which are related to an identified or identifiable natural person”.

hoặc những yếu tố đặc biệt nào liên quan đến việc nhận diện về thể chất, tâm lý, sinh lý, di truyền, kinh tế, văn hóa hoặc xã hội của cá nhân. Các thông tin này có thể là thông tin khách quan (objective information) như họ tên, ngày sinh, chiều cao, cân nặng,... và thông tin chủ quan (subjective information) như đánh giá của người sử dụng lao động², đồng thời phân biệt dữ liệu cá nhân với dữ liệu nhạy cảm.

Trong hệ thống pháp luật Việt Nam, nội hàm khái niệm dữ liệu cá nhân không phải là thuật ngữ mới xuất hiện. Các văn bản như Hiến pháp năm 2013; Bộ luật Dân sự (BLDS) năm 2015; các luật liên quan như Luật An toàn thông tin mạng năm 2015, Luật Công nghệ thông tin năm 2006, Luật An ninh mạng năm 2018... đã có sự đề cập trong nội hàm của các thuật ngữ pháp lý. Cụ thể, Điều 21 Hiến pháp năm 2013 đã khẳng định quyền riêng tư của cá nhân là bất khả xâm phạm; đồng thời, phát triển mở rộng phạm vi quyền riêng tư không chỉ là quyền bất khả xâm phạm về thân thể, nhà ở, thư tín mà còn bao gồm quyền bảo vệ bí mật cá nhân, trong đó có thông tin về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình. Các văn bản pháp luật khác cũng diễn giải thuật ngữ liên quan đến dữ liệu cá nhân với những tên gọi khác, như “thông tin cá nhân”, “bảo đảm an toàn thông tin cá nhân”; “thông tin riêng”, “thông tin riêng tư”, “thông tin số”; “thông tin cá nhân trên môi trường mạng”; “thông tin bí mật đời tư”; “thông tin về đời sống riêng tư”, “bí mật gia đình”, “quyền bất khả xâm phạm về đời sống riêng tư”; “cơ sở dữ liệu điện tử”; “thông tin của người tiêu dùng”, cụ thể là Điều 3 Luật An toàn thông tin mạng năm 2015; Điều 3 Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007

của Chính phủ về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước và khoản 13 Điều 3 Nghị định số 52/2013/NĐ-CP ngày 16/5/2013 của Chính phủ về thương mại điện tử³...

Việc quy định rải rác và chưa có sự thống nhất tại các văn bản khác nhau và cách diễn giải cũng khác nhau như tác giả nêu trên đã gây khó khăn cho công tác áp dụng pháp luật khi có vi phạm về bảo vệ dữ liệu cá nhân, cũng như bảo đảm tính đồng bộ của hệ thống pháp luật khi quy định về dữ liệu cá nhân và cơ sở xác định vi phạm pháp luật về quyền được bảo vệ dữ liệu cá nhân.

Xuất phát từ nguyên nhân trên, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 13/2023/NĐ-CP ngày 17/4/2023 về bảo vệ dữ liệu cá nhân (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2023) (sau đây gọi là Nghị định số 13/2023/NĐ-CP). Theo đó, dữ liệu cá nhân được hiểu là: “thông tin dưới dạng ký hiệu, chữ viết, chữ số, hình ảnh, âm thanh hoặc dạng tương tự trên môi trường điện tử gắn liền với một con người cụ thể hoặc giúp xác định một con người cụ thể” (khoản 1 Điều 2 Nghị định số 13/2023/NĐ-CP).

1.2. Quyền đối với dữ liệu cá nhân

Có quan điểm cho rằng, quyền đối với dữ liệu cá nhân là một phần cốt yếu của quyền về sự riêng tư của con người. Trong khi đó, quyền về sự riêng tư lại là một quyền con người cơ bản, giúp một cá nhân tạo ra ranh giới chính đáng đối với các cá nhân

² Trần Thị Thu Phương, Quy định chung của Liên minh châu Âu về bảo vệ dữ liệu cá nhân và một số khuyến nghị đến Quốc hội, Chính phủ và doanh nghiệp Việt Nam, Tạp chí Nghiên cứu lập pháp, số 23(447), tháng 12, 2021, tr.23.

³ Bạch Thị Nhã Nam, Hoàn thiện về pháp luật bảo vệ dữ liệu cá nhân, Tạp chí Nghiên cứu lập pháp, số 05(453), tháng 3, 2022, tr.50.

khác, từ đó hạn chế sự lạm dụng can thiệp một cách tùy tiện đến dữ liệu cá nhân trong đời sống⁴.

Nghị định số 13/2023/NĐ-CP ghi nhận quyền đối với dữ liệu cá nhân và chủ thể có quyền đối với dữ liệu cá nhân. Cụ thể, Điều 9 quy định quyền của chủ thể dữ liệu, trong đó khẳng định chủ thể này có “quyền được biết” về hoạt động xử lý dữ liệu cá nhân của mình, “quyền đồng ý hoặc không đồng ý” về cho phép xử lý dữ liệu cá nhân của mình, “quyền truy cập” để xem, chỉnh sửa hoặc yêu cầu chỉnh sửa dữ liệu cá nhân của mình, “quyền được xóa” để được xóa hoặc yêu cầu xóa dữ liệu cá nhân của mình hay “quyền hạn chế xử lý dữ liệu” để được yêu cầu hạn chế xử lý dữ liệu cá nhân của mình... và cuối cùng là quyền tự bảo vệ quyền của mình “theo quy định của Bộ luật Dân sự, luật khác có liên quan và Nghị định này, hoặc yêu cầu cơ quan, tổ chức có thẩm quyền thực hiện các phương thức bảo vệ quyền dân sự theo quy định tại Điều 11 Bộ luật Dân sự”.

Quyền nêu trên của chủ thể áp dụng cho việc “xử lý dữ liệu cá nhân”, tức là được áp dụng cho toàn bộ quá trình “hoạt động tác động tới dữ liệu cá nhân, như: thu thập, ghi, phân tích, xác nhận, lưu trữ, chỉnh sửa, công khai, kết hợp, truy cập, truy xuất, thu hồi, mã hóa, giải mã, sao chép, chia sẻ, truyền đưa, cung cấp, chuyển giao, xóa, hủy dữ liệu cá nhân hoặc các hành động khác có liên quan”⁵ (khoản 7 Điều 2 Nghị định số 13/2023/NĐ-CP). Đồng thời, trong trường hợp cá nhân cho rằng có vi phạm pháp luật xâm hại đến quyền được bảo vệ dữ liệu cá nhân của mình, cá nhân đó có thể khiếu nại, tố cáo đến cơ quan có thẩm quyền.

Chủ thể dữ liệu cá nhân cũng có quyền yêu cầu bồi thường thiệt hại đối với những vi phạm về dữ liệu thông tin của mình hoặc

áp dụng quyền tự bảo vệ được quy định tại khoản 11 Điều 9 của Nghị định số 13/2023/NĐ-CP, cụ thể là sử dụng các phương thức bảo vệ quyền dân sự. Có thể hiểu rằng, bảo vệ quyền đối với dữ liệu cá nhân bằng biện pháp dân sự chính là việc cơ quan nhà nước có thẩm quyền áp dụng các phương thức bảo vệ quyền dân sự được quy định tại Điều 11 BLDS năm 2015 nhằm chống lại hành vi xâm phạm quyền đối với dữ liệu cá nhân. Đó là biện pháp buộc chấm dứt hành vi xâm phạm, buộc xin lỗi, cải chính công khai, buộc bồi thường thiệt hại và các biện pháp khác được BLDS quy định.

1.3. Chủ thể thụ hưởng quyền đối với dữ liệu cá nhân

Khoản 6 Điều 2 Nghị định số 13/2023/NĐ-CP quy định “Chủ thể dữ liệu là cá nhân được dữ liệu cá nhân phản ánh”, từ đó tác giả suy luận rằng, về mặt lý luận, chủ thể của quan hệ pháp luật, thụ hưởng quyền có thể là cá nhân hoặc pháp nhân. Tuy nhiên, chủ thể thụ hưởng quyền đối với dữ liệu cá nhân theo quy định tại Nghị định số 13/2023/NĐ-CP chỉ có thể là cá nhân, chứ không bao gồm pháp nhân.

Nghị định số 13/2023/NĐ-CP cũng phân định rạch ròi đối với hoạt động xử lý dữ liệu cá nhân của người đã thành niên với người chưa thành niên, cụ thể, Điều 20 Nghị định số 13/2023/NĐ-CP có nội dung trong việc xử lý dữ liệu của trẻ em trong đó quy định “Việc xử lý dữ liệu cá nhân của trẻ em

⁴ Vũ Công Giao, Lê Trần Như Tuyên, *Bảo vệ quyền đối với dữ liệu cá nhân trong pháp luật quốc tế, pháp luật một số quốc gia và giá trị tham khảo cho Việt Nam*, <https://hpu.vn/thong-tin-khoa-hoc/bao-ve-quyen-doi-voi-du-lieu-ca-nhan-trong-phap-luat-quoc-te-phap-luat-o-mot-so-quoc-gia-va-gia-tri-tham-khao-cho-viet-nam-8661.html>, truy cập ngày 10/10/2023.

⁵ Đỗ Văn Đại, Nguyễn Thị Hoa, *Những điểm mới cơ bản trong Nghị định về bảo vệ dữ liệu cá nhân*, Hội thảo quốc tế Bảo vệ dữ liệu cá nhân trong môi trường số, Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh, 2023, tr.1.

phải có sự đồng ý của trẻ em trong trường hợp trẻ em từ đủ 7 tuổi trở lên và có sự đồng ý của cha, mẹ hoặc người giám hộ theo quy định” (khoản 2) và “Cha, mẹ hoặc người giám hộ của trẻ em rút lại sự đồng ý cho phép xử lý dữ liệu cá nhân của trẻ em” (điểm b khoản 3).

Cá nhân có thể đang sống hay đã chết hoặc bị tuyên bố mất tích ở thời điểm xử lý dữ liệu cá nhân. Việc xử lý dữ liệu cá nhân đã chết hoặc bị tuyên bố mất tích được tiến hành như thế nào? Điều 19 Nghị định số 13/2023/NĐ-CP quy định “Việc xử lý dữ liệu cá nhân liên quan đến dữ liệu cá nhân của người bị tuyên bố mất tích, người đã chết phải được sự đồng ý của vợ, chồng hoặc con thành niên của người đó, trường hợp không có những người này thì phải được sự đồng ý của cha, mẹ của người bị tuyên bố mất tích, người đã chết” (khoản 1) và “Trường hợp không có tất cả những người được nêu tại khoản 1 Điều này thì được coi là không có sự đồng ý” (khoản 2). Ở đây, điều luật tập trung vào “sự đồng ý” trong việc xử lý mà chưa có quy định cụ thể về quyền khác đối với dữ liệu cá nhân như quyền truy cập, quyền hạn chế xử lý dữ liệu, thiết nghĩ, việc thực hiện các quyền này cũng được ghi nhận cho những người nêu trên của người bị tuyên bố mất tích, chết⁶.

2. Các loại vi phạm đối với quyền được bảo vệ dữ liệu cá nhân và trách nhiệm pháp lý

Nghị định số 13/2023/NĐ-CP là nghị định đầu tiên quy định về khung pháp lý toàn diện cho việc bảo vệ dữ liệu cá nhân. Điều 4 Nghị định này quy định “Cơ quan, tổ chức, cá nhân vi phạm quy định bảo vệ dữ liệu cá nhân tùy theo mức độ có thể bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính, xử lý hình sự theo quy định”.

2.1. Biện pháp dân sự đối với vi phạm về quyền được bảo vệ dữ liệu cá nhân

Bảo vệ quyền đối với dữ liệu cá nhân bằng biện pháp dân sự chính là việc cơ quan nhà nước có thẩm quyền áp dụng các phương thức bảo vệ quyền dân sự được quy định tại Điều 11 BLDS năm 2015 gồm: buộc chấm dứt hành vi xâm phạm, buộc xin lỗi, cải chính công khai, buộc bồi thường thiệt hại và các biện pháp khác được BLDS quy định. Tuy nhiên, việc bảo vệ quyền đối với dữ liệu cá nhân, tổ chức bằng biện pháp dân sự còn một số hạn chế sau:

Một là, buộc chấm dứt hành vi vi phạm về dữ liệu cá nhân.

Buộc chấm dứt hành vi xâm phạm là nhằm tránh tình trạng hành vi xâm phạm tiếp tục gây ra những thiệt hại cho người mang quyền. Vì vậy, trong trường hợp có hành vi xâm phạm quyền bảo vệ dữ liệu cá nhân, chủ thể của dữ liệu cá nhân có quyền thông báo, nhắc nhở, yêu cầu chủ thể thực hiện hành vi xâm phạm phải chấm dứt hành vi đó. Tuy nhiên, hiện nay BLDS năm 2015 vẫn chưa quy định cụ thể về các biện pháp này: được áp dụng khi nào, chủ thể yêu cầu, quyền và nghĩa vụ của chủ thể yêu cầu; chủ thể bị yêu cầu, chế tài trong việc không thực hiện. Chính vì vậy, có nhiều quan điểm trong việc thực hiện biện pháp này trong thực tế như là biện pháp buộc chấm dứt hành vi vi phạm là việc Tòa án quyết định buộc người có hành vi xâm phạm chấm dứt ngay hành vi xâm phạm theo yêu cầu của người khởi kiện⁷; hoặc buộc chấm dứt hành vi xâm

⁶ Đỗ Văn Đại, Nguyễn Thị Hoa, *ltd* (5), tr.4.

⁷ Đỗ Hoàng Anh, *Bảo hộ quyền tác giả bằng biện pháp dân sự tại Việt Nam trong bối cảnh gia nhập Hiệp định Đối tác toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP)*, Luận văn thạc sĩ luật học, Trường Đại học Luật TP.HCM, 2022, tr.29.

phạm là một trong những biện pháp khẩn cấp tạm thời được quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự, hoặc bản thân chủ thể có “dữ liệu cá nhân” tự mình buộc người vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm⁸. Theo tác giả, biện pháp “buộc chấm dứt hành vi vi phạm” về quyền bảo vệ dữ liệu cá nhân nên mở rộng theo hướng ngoài nhà nước, cá nhân cũng có quyền tự áp dụng biện pháp này một cách nhanh chóng để giảm thiểu tối đa những thiệt hại có thể gây ra cho cá nhân, tổ chức đồng thời cho phép các bên cơ hội “đàm phán”, “thỏa thuận” hòa bình mà không cần Nhà nước, Tòa án phải áp dụng các biện pháp cưỡng chế.

Hai là, buộc xin lỗi, cải chính công khai.

Buộc xin lỗi, cải chính công khai là việc đính chính thông tin chưa chính xác, được thể hiện công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng. Hiện nay, BLDS năm 2015 không quy định cụ thể về biện pháp “buộc xin lỗi, cải chính công khai” được áp dụng như thế nào, cải chính công khai nhưng xin lỗi như thế nào, ai được quyền yêu cầu và có cơ chế nào để áp dụng biện pháp này, đồng thời, nội dung lời xin lỗi cần thể hiện yêu cầu tối thiểu gì thì vẫn chưa có câu trả lời. Đặc biệt trong bối cảnh các thông tin trên các trang điện tử, trang mạng xã hội đang trở nên chiếm ưu thế so với hình thức báo truyền thống về tốc độ truyền bá thông tin, về sự thuận tiện, về mức độ phổ biến thì biện pháp “buộc xin lỗi, cải chính công khai” càng cần được quy định và hướng dẫn một cách rõ ràng.

Có thể tham khảo một số vụ việc trước khi Nghị định số 13/2023/NĐ-CP có hiệu lực, như Bản án số 07/2022/DS-ST ngày 31/8/2022 của Tòa án nhân dân thị xã Sa Pa, tỉnh Lào Cai⁹, sự việc tháng 01/2020 anh Phí Ngọc V bị xâm phạm dữ liệu cá

nhân (bị Ngân hàng T báo nợ xấu ngân hàng) đã gây “ảnh hưởng đến uy tín danh dự, nhân phẩm, tinh thần... khó khăn khi xin việc làm, bạn bè nhìn với ánh mắt cho rằng không có uy tín, dẫn đến thu nhập bị giảm sút...”. Đến tháng 8/2022, Tòa án xét xử và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh V, buộc Ngân hàng T phải xin lỗi công khai anh V và bồi thường thiệt hại do bị ảnh hưởng danh dự, uy tín của anh V.

2.2. Truy cứu trách nhiệm hành chính đối với vi phạm về quyền được bảo vệ dữ liệu cá nhân

Mặc dù “dữ liệu cá nhân” là đối tượng điều chỉnh của nhiều nghị định đã được liệt kê ở trên, tuy nhiên những hành vi bị xử phạt vi phạm hành chính lại không nhiều, chủ yếu nằm tại Nghị định số 15/2020/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 14/2022/NĐ-CP, sau đây gọi tắt là Nghị định số 15/2020/NĐ-CP) quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin và giao dịch điện tử hay một số nghị định khác, tuy nhiên chủ yếu là bảo vệ dữ liệu cá nhân tại môi trường mạng. Nghị định số 98/2020/NĐ-CP ngày 26/8/2020 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 17/2022/NĐ-CP); Nghị định số 119/2020/NĐ-CP về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực báo chí, xuất bản (được sửa đổi bởi Nghị định số 14/2022/NĐ-CP); Nghị định số

⁸ Nguyễn Xuân Quang, Lê Nhật Hồng, *Bảo vệ quyền đối với dữ liệu cá nhân trong môi trường số bằng biện pháp dân sự*, Hội thảo quốc tế Bảo vệ dữ liệu cá nhân trong môi trường số, Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh, 2023, tr.54.

⁹ <https://congboanan.toaan.gov.vn/2ta995051t1cvn/chi-tiet-ban-an>, truy cập ngày 20/10/2023.

38/2021/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch và quảng cáo; Nghị định số 117/2020/NĐ-CP về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực y tế;

Từ việc khảo sát quy định pháp luật vi phạm hành chính về bảo vệ dữ liệu cá nhân, tác giả có những nhận xét sau:

Một là, quy định pháp luật về xử lý vi phạm hành chính đối với vấn đề bảo vệ dữ liệu cá nhân hiện nay nằm ở các nghị định xử phạt vi phạm hành chính khác nhau. Những hành vi của Nghị định số 15/2020/NĐ-CP chủ yếu điều chỉnh tại các nhóm hành vi: *tiếp cận, khai thác, xâm phạm*¹⁰, *mua bán, vận chuyển dữ liệu cá nhân*. Trong khi đó, có nhiều hành vi tại Nghị định số 15/2020/NĐ-CP chưa bị xử phạt: vi phạm về xử lý dữ liệu cá nhân thu được từ hoạt động ghi âm, ghi hình tại nơi công cộng, vi phạm về xử lý dữ liệu cá nhân của người bị tuyên bố mất tích, đã chết, vi phạm về xử lý dữ liệu cá nhân của trẻ em, vi phạm về xử lý dữ liệu cá nhân trong kinh doanh dịch vụ tiếp thị, giới thiệu sản phẩm quảng cáo, vi phạm về xử lý dữ liệu cá nhân nhằm phục vụ yêu cầu pháp lý, nghiên cứu khoa học, thống kê theo quy định của pháp luật...

Hai là, hình thức xử phạt chính và hình thức xử phạt bổ sung đối với các vi phạm hành chính về vấn đề bảo vệ dữ liệu cá nhân chưa đủ sức răn đe.

Đối với vi phạm hành chính về bảo vệ dữ liệu cá nhân, phạt tiền là hình thức xử phạt chính duy nhất được áp dụng. Các hình thức xử phạt bổ sung được áp dụng với vi phạm hành chính đối với vấn đề bảo vệ dữ liệu cá nhân gồm: Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính¹¹; trục

xuất¹²; đình chỉ hoạt động thương mại điện tử từ 06 tháng đến 12 tháng¹³. Trong đó, “Đình chỉ hoạt động thương mại điện tử từ 06 đến 12 tháng” là một hình thức xử phạt mới được bổ sung nhằm đáp ứng sự phát triển “bùng nổ” của các hoạt động thương mại điện tử trong thời gian gần đây tại Việt Nam.

Mức phạt tiền đối với vi phạm hành chính về bảo vệ dữ liệu cá nhân còn thấp, chưa tương xứng với mức độ nghiêm trọng của vi phạm. Hiện nay mức phạt tiền đối với vi phạm hành chính về bảo vệ dữ liệu cá nhân cao nhất là 100.000.000 đồng đối với cá nhân và 200.000.000 đồng đối với tổ chức¹⁴. Trong khi những thiệt hại mà vi phạm hành chính về dữ liệu cá nhân có thể gây ra không chỉ là những thiệt hại về vật chất, mà còn có các thiệt hại về danh dự và nhân phẩm. Không khó để thấy các trang web rao bán thông tin, dữ liệu cá nhân trên mạng Internet với những “Cam kết sử dụng những thông tin danh sách phù hợp với pháp luật Việt Nam” xuất hiện trên các nền tảng trực tuyến như Google, Zalo, Facebook, TikTok nhằm bán thông tin, dữ liệu cá nhân cho những đối tượng có nhu cầu¹⁵.

¹⁰ Lê Thị Diễm Hằng, Lê Hà Chi, Nguyễn Hà Giang, Trần Mai Huyền, *Nhận diện cơ bản về thông tin cá nhân và hành vi xâm phạm về thông tin cá nhân*, <https://www.tapchitoaan.vn/nhan-dien-co-ban-ve-thong-tin-ca-nhan-va-hanh-vi-xam-pham-thong-tin-ca-nhan5893.html>, truy cập ngày 20/10/2023.

¹¹ Khoản 2 Điều 8 Nghị định số 15/2020/NĐ-CP: Vi phạm quy định về sử dụng mạng nhằm chiếm đoạt tài sản.

¹² Điều 80 Nghị định số 15/2020/NĐ-CP: Vi phạm quy định về cung cấp, sử dụng trái phép thông tin trên mạng.

¹³ Điều 63 Nghị định số 15/2020/NĐ-CP: Hành vi vi phạm về thông tin và giao dịch trên website thương mại điện tử hoặc ứng dụng di động.

¹⁴ Điểm d khoản 1 Điều 24 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012, được sửa đổi, bổ sung năm 2020.

¹⁵ Thiện Thảo, *Thông tin cá nhân tiếp tục bị bán tràn lan trên mạng*, https://congan.com.vn/doi-song/thong-tin-ca-nhan-ban-tran-lan-tren-mang_107877.html, truy cập ngày 20/10/2023.

Ba là, các biện pháp khắc phục hậu quả đối với các vi phạm hành chính về dữ liệu cá nhân chưa đủ đáp ứng nhu cầu xử phạt. Các biện pháp khắc phục hậu quả được áp dụng với vi phạm hành chính về bảo vệ dữ liệu cá nhân trong các nghị định liệt kê ở trên gồm có: *Buộc hủy bỏ thông tin cá nhân do thực hiện hành vi vi phạm* (khoản 3 Điều 28); *Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm* quy định tại điểm b khoản 4 và điểm a khoản 5 Điều này (khoản 9 Điều 102. Vi phạm quy định về lưu trữ, cho thuê, truyền đưa, cung cấp, truy nhập, thu thập, xử lý, trao đổi và sử dụng thông tin). *Buộc thu hồi tên miền “.vn” của website thương mại điện tử hoặc buộc gỡ bỏ ứng dụng di động trên các kho ứng dụng hoặc trên các địa chỉ đã cung cấp đối với hành vi vi phạm* quy định tại khoản 5 và 6 Điều này (Điều 63 Nghị định số 98/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 17/2022/NĐ-CP). Mặc dù các biện pháp khắc phục hậu quả được áp dụng với vi phạm hành chính về bảo vệ dữ liệu cá nhân khá phù hợp với thực tiễn, tuy nhiên vẫn còn khá ít ỏi và cũng chưa được quy định với nhiều hành vi.

2.3. Truy cứu trách nhiệm hình sự đối với vi phạm về quyền được bảo vệ dữ liệu cá nhân

Pháp luật hình sự Việt Nam chưa có quy định cụ thể, trực tiếp về hành vi cấu thành tội phạm liên quan đến dữ liệu cá nhân, mà chỉ thể hiện trong các chế định về quyền riêng tư và lĩnh vực công nghệ thông tin, an ninh mạng. Chẳng hạn quy định về: (i) Điều 159: *Tội xâm phạm bí mật hoặc an toàn thư tín, điện thoại, điện tín*

hoặc hình thức trao đổi thông tin riêng tư khác của người khác đối với những hành vi: Chiếm đoạt thư tín, điện báo, telex, fax hoặc văn bản khác của người khác được truyền đưa bằng mạng bưu chính, viễn thông dưới bất kỳ hình thức nào... (ii) Điều 288: *Tội đưa hoặc sử dụng trái phép thông tin trên mạng máy tính, mạng viễn thông* đối với các hành vi: Đưa lên mạng máy tính, mạng viễn thông những thông tin trái với quy định của pháp luật, nếu không thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điều 117, 155, 156 và 326 của Bộ luật này¹⁶... (iii) Điều 291: *Tội thu thập, tàng trữ, trao đổi, mua bán, công khai hóa trái phép thông tin về tài khoản ngân hàng*: “Người nào thu thập, tàng trữ, trao đổi, mua bán, công khai hóa trái phép thông tin về tài khoản ngân hàng của người khác với số lượng từ 20 tài khoản đến dưới 50 tài khoản hoặc thu lợi bất chính từ 20.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm...”¹⁷.

Từ việc nghiên cứu các điều luật này tác giả có những đánh giá sau:

Thứ nhất, Bộ luật Hình sự (BLHS) năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) chỉ có một vài điều luật quy định trách nhiệm hình sự với hành vi xâm phạm đến quyền bảo vệ dữ liệu cá nhân là chưa bảo đảm tính hoàn thiện của pháp luật hình sự tương xứng với

¹⁶ Trên trang thông tin điện tử công bố bản án, quyết định của Tòa án nhân dân tối cao, có 9 bản án được đăng tải liên quan đến tội phạm quy định tại Điều 288, tính từ ngày 01/7/2017 đến ngày 01/7/2024.

¹⁷ Trên trang thông tin điện tử công bố bản án, quyết định của Tòa án nhân dân tối cao, có 47 bản án được đăng tải liên quan đến tội phạm quy định tại Điều 291, tính từ ngày 01/7/2017 đến ngày 01/7/2024.

số lượng và mức độ nguy hiểm những hành vi xâm phạm đến quyền và lợi ích của cá nhân, cơ quan, tổ chức và cho cả xã hội.

So với những hành vi được quy định trong Nghị định số 13/2023/NĐ-CP về bảo vệ dữ liệu cá nhân thì có thể thấy rõ ràng BLHS năm 2015 đã không còn phù hợp với thực tiễn, khi chưa luật hóa rất nhiều hành vi nguy hiểm cho xã hội.

Ví dụ: *Tội đưa hoặc sử dụng trái phép thông tin trên mạng máy tính, mạng viễn thông (Điều 288 BLHS năm 2015)* chỉ điều chỉnh với hành vi “đưa” hoặc “sử dụng” trái phép thông tin trên mạng máy tính, mạng viễn thông. Tuy nhiên, điểm a khoản 1 Điều 18 Luật An ninh mạng năm 2018 quy định về hành vi sử dụng không gian mạng, công nghệ thông tin, phương tiện điện tử để vi phạm pháp luật về an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội trong đó có hành vi “Đăng tải, phát tán thông tin trên không gian mạng có nội dung quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều 16 và hành vi quy định tại khoản 1 Điều 17 của Luật này”. Như vậy, bên cạnh hành vi “đăng tải” thì hành vi “phát tán” các thông tin trái quy định của pháp luật cũng là dạng hành vi bị cấm theo Luật An ninh mạng năm 2018.

Thứ hai, dấu hiệu “gây dư luận xấu làm giảm uy tín của cơ quan, tổ chức, cá nhân” của “*tội đưa hoặc sử dụng trái phép thông tin trên mạng máy tính, mạng viễn thông*” tại Điều 288 BLHS năm 2015 là quy định chưa có hướng dẫn, rất khó xác định và áp dụng trong thực tiễn. Những hành vi như thế nào được coi là gây dư luận xấu làm giảm uy tín của cơ quan, tổ chức, cá nhân thì chưa có bất cứ văn bản hướng dẫn, chưa kể dư luận xấu này được dựa trên cơ sở nào:

văn hóa truyền thống, phong tục, tập quán, tôn giáo hay đạo đức thì lại càng tạo ra nhiều khó khăn cho các cơ quan có thẩm quyền trong việc áp dụng quy định này.

Thứ ba, bất cập trong quy định loại trừ tại Điều 288 BLHS năm 2015.

Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 288 BLHS năm 2015, nhà làm luật chỉ loại trừ 4 trường hợp công bố thông tin bất hợp pháp thỏa mãn cấu thành tội phạm tại Điều 117 (tội làm, tàng trữ, phát tán hoặc tuyên truyền thông tin, tài liệu, vật phẩm nhằm chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam), Điều 155 (tội làm nhục người khác), Điều 156 (tội vu khống) và Điều 326 (tội truyền bá văn hóa phẩm đồi trụy) sẽ không bị xử theo Điều 288. Như vậy, ta có thể ngầm hiểu mọi trường hợp công bố thông tin khác bằng việc sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông đều sẽ bị xử lý theo quy định tại Điều 288 BLHS năm 2015.

Tuy nhiên, có thể thấy đối với những tội phạm truyền thống cũng có thể thực hiện bằng việc sử dụng công nghệ thông tin và viễn thông trong việc công bố thông tin, chẳng hạn như tội phạm tại Điều 159 (tội xâm phạm bí mật hoặc an toàn thư tín, điện thoại, điện tín hoặc hình thức trao đổi thông tin riêng tư của người khác), Điều 209 (tội cố ý công bố thông tin sai lệch hoặc che giấu sự thật trong hoạt động chứng khoán), Điều 225 (tội xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan), Điều 226 (tội xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp), Điều 337 (tội cố ý làm lộ bí mật nhà nước),... Vậy nếu theo sự phân tích loại suy, các tội danh trên phải được xử lý theo Điều 288 BLHS năm 2015, bởi nếu xét về bản chất thì hành vi công bố thông tin thỏa mãn cấu thành tội

phạm của những tội phạm trên đều là việc công bố trái pháp luật, khi đó quy định chỉ loại trừ bốn trường hợp nêu trên liệu có hợp lý. Chính vì vậy, quy định này của BLHS năm 2015 cần được sửa trong thời gian tới.

3. Kiến nghị

Mặc dù quyền đối với dữ liệu cá nhân là quyền không mới, tuy nhiên phải đến khi Nghị định số 13/2023/NĐ-CP thì Việt Nam mới chính thức có nghị định riêng quy định về vấn đề này nên khung pháp lý trong việc bảo vệ quyền đối với dữ liệu cá nhân còn rất nhiều bất cập. Để hoàn thiện các biện pháp trách nhiệm đối với quyền bảo vệ dữ liệu cá nhân, tác giả đưa ra những kiến nghị sau:

Về các biện pháp trách nhiệm dân sự. Để bảo vệ tốt hơn quyền và lợi ích của chủ thể, BLDS năm 2015 cần sửa đổi theo hướng quy định trực tiếp và cụ thể về biện pháp “buộc chấm dứt hành vi vi phạm” hoặc “buộc xin lỗi, cải chính công khai” vào BLDS, để lý giải các biện pháp hoặc có văn bản hướng dẫn áp dụng riêng cho vấn đề “bảo vệ quyền đối với dữ liệu cá nhân”.

Về các biện pháp trách nhiệm hành chính. Hiện nay mặc dù Việt Nam đã có Nghị định số 13/2023/NĐ-CP quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân, tuy nhiên các vi phạm hành chính về dữ liệu cá nhân đang nằm rải rác tại rất nhiều văn bản; các vi phạm hành chính về dữ liệu cá nhân được luật hóa còn nhiều thiếu sót; các hình thức xử phạt chính, hình thức xử phạt bổ sung và các biện pháp khắc phục hậu quả chưa được quy định rõ ràng và cụ thể, chưa đủ sức răn đe và chưa đáp ứng được thực tiễn vi phạm. Chính vì vậy, tác giả cho rằng,

Chính phủ cần nhanh chóng xây dựng và ban hành nghị định cụ thể về xử phạt vi phạm hành chính về dữ liệu cá nhân. Trong đó, cần bổ sung các vi phạm hành chính mà các nghị định xử phạt vi phạm hành chính chưa quy định, đồng thời tăng mức phạt tiền; bổ sung thêm các hình thức xử phạt bổ sung và các biện pháp khắc phục hậu quả tương xứng với hành vi vi phạm, nhằm nâng cao hiệu quả xử phạt vi phạm hành chính về dữ liệu cá nhân.

Về biện pháp trách nhiệm hình sự. Tác giả cho rằng, việc chỉ quy định 03 tội danh liên quan đến dữ liệu cá nhân là chưa toàn diện, chưa đầy đủ so với thực tiễn phức tạp các hành vi xâm hại đến quyền được bảo vệ dữ liệu cá nhân trong môi trường số. Bên cạnh đó, “*tội đưa hoặc sử dụng trái phép thông tin trên mạng máy tính, mạng viễn thông*” tại Điều 288 BLHS năm 2015 còn chưa rõ ràng trong việc quy định dấu hiệu “gây dư luận xấu làm giảm uy tín của cơ quan, tổ chức, cá nhân” và các trường hợp loại trừ của Điều 288. Theo tác giả, BLHS cần luật hóa bổ sung các hành vi xâm phạm đến quyền được bảo vệ dữ liệu cá nhân để bảo đảm tính phù hợp của pháp luật hình sự đối với tội phạm xâm hại quyền bảo vệ về dữ liệu cá nhân. Bên cạnh đó, Điều 288 BLHS năm 2015 cần được sửa theo hướng: thay vì “gây dư luận xấu làm giảm uy tín của cơ quan, tổ chức, cá nhân” sửa thành “gây ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân”, và xóa bỏ quy định loại trừ các điều 117, 155, 156 và 326 trong điểm a khoản 1 Điều 288 bởi những tội phạm truyền thống khác được thực hiện dưới sự trợ giúp của công nghệ thông tin và viễn thông vẫn có thể xét xử với tình tiết sử dụng

công nghệ thông tin và viễn thông để thực hiện hành vi phạm tội.

Kết luận

Hiện nay, để bảo vệ quyền đối với dữ liệu cá nhân, pháp luật Việt Nam quy định trách nhiệm pháp lý trong các lĩnh vực dân sự, hành chính, hình sự. Khác với biện pháp dân sự, các cá nhân có thể tự bảo vệ quyền của mình khi có vi phạm về quyền, thì trách nhiệm hành chính và trách nhiệm hình sự cũng có vai trò quan trọng trong việc bảo vệ dữ liệu cá nhân và cũng là công cụ pháp lý cần thiết để thiết lập trật tự quản lý nhà nước trên không gian mạng, bởi trong một số trường hợp nhất định thì đối tượng tác động của các hành vi phạm tội trong lĩnh vực này không phải đơn thuần là dữ liệu cá nhân mà còn xâm hại đến tính bảo mật, tính toàn vẹn, tính khả dụng của dữ liệu cá nhân, gây ra hậu quả nguy hại cho hệ thống thông tin, viễn thông của quốc gia. Thực tế hiện nay, các biện pháp trách nhiệm pháp lý để bảo vệ quyền đối với dữ liệu cá nhân còn sơ khai, chưa hoàn thiện nên chưa thể phát huy được hiệu quả như mong đợi. Chính vì vậy, để bảo vệ tốt hơn quyền đối với dữ liệu cá nhân thì không chỉ các biện pháp trách nhiệm dân sự, mà trách nhiệm hành chính và trách nhiệm hình sự cũng cần được ưu tiên xây dựng và hoàn thiện trong tương lai. □

Tài liệu tham khảo

1. Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).
2. Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (sửa đổi, bổ sung năm 2020).
3. Nghị định số 15/2020/NĐ-CP ngày 03/2/2020 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin và giao dịch điện tử hay một số Nghị định khác, tuy nhiên chủ yếu là bảo vệ dữ liệu cá nhân tại môi trường mạng.

4. Nghị định số 98/2020/NĐ-CP ngày 26/8/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.
5. Nghị định số 117/2020/NĐ-CP ngày 28/9/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực y tế.
6. Nghị định số 119/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực báo chí, hoạt động xuất bản.
7. Nghị định số 38/2021/NĐ-CP ngày 29/3/2021 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa và quảng cáo.
8. Nghị định số 14/2022/NĐ-CP ngày 27/01/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 15/2020/NĐ-CP.
9. Nghị định số 17/2022/NĐ-CP ngày 31/01/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hóa chất và vật liệu nổ công nghiệp; điện lực, an toàn đập thủy điện, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; hoạt động dầu khí, kinh doanh xăng dầu và khí.
10. Đỗ Hoàng Anh, *Bảo hộ quyền tác giả bằng biện pháp dân sự tại Việt Nam trong bối cảnh gia nhập Hiệp định Đối tác toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP)*, Luận văn thạc sĩ luật học, Trường Đại học Luật TP.HCM, 2022.
11. Đỗ Văn Đại, Nguyễn Thị Hoa, *Những điểm mới cơ bản trong Nghị định về bảo vệ dữ liệu cá nhân*, Hội thảo quốc tế Bảo vệ dữ liệu cá nhân trong môi trường số, Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh, 2023.
12. Vũ Công Giao và Lê Trần Như Tuyên, *Bảo vệ quyền đối với dữ liệu cá nhân trong pháp luật quốc tế, pháp luật tại một số quốc gia và giá trị tham khảo cho Việt Nam*, Tạp chí Nghiên cứu lập pháp, số 09/2020.
13. Lê Thị Diễm Hằng, Lê Hà Chi, Nguyễn Hà Giang, Trần Mai Huyền, *Nhận diện cơ bản về thông tin cá nhân và hành vi xâm phạm về thông tin cá nhân*, <https://www.tapchitoaan.vn/nhan-dien-co-ban-ve-thong-tin-ca-nhan-va-hanh-vi-xam-pham-thong-tin-ca-nhan5893.html>, truy cập ngày 20/10/2023.
14. Bạch Thị Nhã Nam, *Hoàn thiện về pháp luật bảo vệ dữ liệu cá nhân*, Tạp chí Nghiên cứu lập pháp, số 05(453), tháng 3/2022.
15. Trần Thị Thu Phương, *Quy định chung của Liên minh châu Âu về bảo vệ dữ liệu cá nhân và một số khuyến nghị đến Quốc hội, Chính phủ và doanh nghiệp Việt Nam*, Tạp chí Nghiên cứu lập pháp, số 23(447), tháng 12, năm 2021.
16. Nguyễn Xuân Quang, Lê Nhật Hồng, *Bảo vệ quyền đối với dữ liệu cá nhân trong môi trường số bằng biện pháp dân sự*, Hội thảo quốc tế Bảo vệ dữ liệu cá nhân trong môi trường số, Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh, năm 2023.
17. Thiện Thảo, *Thông tin cá nhân tiếp tục bị bán tràn lan trên mạng*, https://congan.com.vn/doi-song/thong-tin-ca-nhan-ban-tran-lan-tren-mang_107877.html, truy cập ngày 20/10/2023.